

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: 167/2022/DS-PT

Ngày: 30/5/2022

V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ.N.L

Các thẩm phán: Ông V.V.V

Ông Đ.M.H

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông N.V.H – Thư ký Toà án nhân thành phố HN

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa: Bà N.N.Q - Kiểm sát viên

Trong ngày 30/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố HN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2021/TLPT-DS ngày 26/7/2021 về: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã ST, thành phố HN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 77/2022/QĐ-PT ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh T ; sinh năm: 1947; địa chỉ: Số nhà 18 ngách 62 phố H, phường P, thị xã ST, Thành phố HN; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H(tên khác Nguyễn Thúy H); sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 26/8 phố L, phường L, thị xã ST, Thành phố HN; có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Địa chỉ: Khu phố 7, phường C, thị xã BC, tỉnh BD có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Mạnh T ; sinh năm: 1947; địa chỉ: Số nhà 18 ngách 62 phố H, phường P, thị xã ST, Thành phố HN; theo giấy ủy quyền lập ngày 20/10/2020; ông T có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T1 ; sinh năm: 1955; địa chỉ: Số nhà 45 phố T, phường S, thị xã ST, Thành phố HN; có mặt tại phiên tòa.

3.3. Chị Nguyễn Thúy N ; sinh năm: 1999; địa chỉ: số 26/8 phố L, phường L, thị xã ST, Thành phố HN; có mặt tại phiên tòa.

3.4. Chị Nguyễn Như Q ; sinh năm: 1994; địa chỉ: số 26/8 phố L, phường L, thị xã ST, Thành phố HN; có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Mạnh T là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh T cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Mạnh T là nguyên đơn trình bày như sau: Bố ông là cụ Nguyễn Văn M , sinh năm 1917 chết năm 1993, mẹ ông là cụ Đào Thị C , sinh năm 1920 chết năm 2005.

Bố của ông sinh được 07 người con gồm:

1. Nguyễn Văn M1 , sinh năm 1945, chết năm 1947, không có vợ con.
2. Nguyễn Mạnh T , sinh năm 1947 (là ông).
3. Bà Nguyễn Thị C , sinh năm 1949, chết năm 1951, không có chồng con.
4. Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1952. Địa chỉ: Khu phố 7, phường C, thị xã B, tỉnh BD.

5. Bà Nguyễn Thị T1 , sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 45 phố T, phường L, thị xã ST, thành phố HN.

6. Ông Nguyễn Văn T2 , sinh năm 1959, chết năm 2017 (chồng bà H), ông T2 và bà H có một con chung tên là Nguyễn Thúy N , sinh năm 1999 hiện đang ở cùng bà H tại 26/8 L, ST, HN.

7. Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1962, chết năm 1963, không có chồng con.

Ngoài ra bố mẹ ông không còn người con nào khác, cũng không có người con nuôi nào khác. Bố mẹ ông chết không để lại di chúc. Sau khi bố mẹ ông chết tài sản để lại gồm có :

- Ba gian nhà lợp ngói cấp 4 và 01 gian bếp lợp mái lá.
- Đất ở có diện tích là 109m² tại 14/8 L , nay là 26/8 L, ST, HN, đất hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận, nguồn gốc đất là do UBND thị xã ST cấp cho bố mẹ ông năm 1961.

Việc cúng giỗ bố mẹ ông hàng năm ông là người đứng ra cúng giỗ bố mẹ tại nhà ông. Sau khi bố mẹ ông chết các con không ai phải trả khoản nợ nào.

Khi Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản của bố mẹ ông, ông cùng bà Toan không yêu cầu Tòa án giải quyết việc tang lễ và cúng giỗ hàng năm.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản của bố mẹ ông để lại theo pháp luật. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn T2 vào năm 1998, có đăng ký tại UBND phường L , ST, Hà Nội; Đến năm 2017 thì ông T2 bị bệnh chết.

Bà và ông T2 có một con chung tên là Nguyễn Thúy N , sinh năm 1999 hiện nay đang chung sống cùng bà tại số nhà 26/8 L , ST, HN. Ngoài ra trước lúc bà kết hôn với ông T2 bà còn có một con riêng là cháu Nguyễn Như Q , sinh năm 1994 hiện nay

đang ở cùng bà. Sau khi kết hôn bà với ông T2 sống chung với mẹ ông T2 là cụ Đào Thị C .

Cụ C chết năm 2005 không để lại di chúc. Sau khi cụ chết vợ chồng bà không phải trả khoản nợ nào. Các anh chị và vợ chồng bà là người lo tang lễ. Việc cúng giỗ hàng năm là nhà ai cúng ở nhà đấy. Hàng năm vợ chồng bà vẫn đưa lễ cho ông T cúng bố mẹ. Bà và ông T2 không phải trả khoản nợ nào cho cụ C .

Sau khi Cụ C chết tài sản để lại gồm có :

+ Ba gian nhà lợp ngói cấp 4 nhưng đã xuống cấp và 01 gian bếp lợp mái lá đã bị đổ từ năm 2010 nay tôi đã xây dựng lại.

+ Đất ở có diện tích là 109m² tại 14/8 L , nay 26/8 L , ST, HN, đất hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận, nguồn gốc đất là do UBND thị xã ST cấp cho cụ M và cụ C .

Nay ông Nguyễn Mạnh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản của cụ M và Cụ C để lại như trên ý kiến của bà là ba gian nhà cấp 4 và 01 gian bếp lợp Prôximăng là do vợ chồng bà sửa chữa nên bà không đồng ý chia, đối với diện tích 109m² đất ông T yêu cầu chia theo pháp luật cho các con mỗi người một phần bằng nhau, bà không nhất trí bà yêu cầu Tòa án tính công sức quản lý trông nom đất cho vợ chồng bà và xem xét cho hoàn cảnh mẹ con bà cuộc sống vô cùng khó khăn, ba mẹ con không ai có công ăn việc làm, nên không thể có tiền mua chỗ ở nào khác. Đối với việc vợ chồng bà bỏ ra sửa chữa nhà là 93.900.000 đồng là có thật, tuy nhiên sau khi Hội đồng định giá thấy giá trị còn lại thấp nên nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết công sức bà bỏ ra sửa chữa xây dựng tài sản trên đất nữa. Ngoài ra bà không yêu cầu thêm vấn đề gì khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

* Bà Nguyễn Thị T không trình bày ý kiến, nhưng đã có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh T cho nên xác định ý kiến của ông T cũng là ý kiến của bà Nguyễn Thị T .

* Bà Nguyễn Thị T1 trình bày ý kiến, nhất trí hoàn toàn và đồng ý với ý kiến ông Nguyễn Mạnh T .

* Chị Nguyễn Thúy N trình bày: Chị là con gái của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị H , về việc ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà đất đối với mẹ chị là bà H , ý kiến của chị đề nghị Tòa án xem xét cho hoàn cảnh mẹ con chị, tạo điều kiện có chỗ ở cho mẹ con chị, chị không có công sức đóng góp gì vào nhà đất mà ông T khởi kiện đòi chia thừa kế, đề nghị Tòa án xem xét.

* Chị Nguyễn Như Q , không có ý kiến trình bày cũng không có yêu cầu độc lập gửi cho Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã ST, thành phố HN đã xử và quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M và cụ Đào Thị C .

2. Xác định người để lại di sản và thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Văn M chết năm 1993, cụ Đào Thị C chết năm 2005;

Di sản thừa kế của cụ M và Cụ C là quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02, diện tích 109,9m², giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,1; tại địa chỉ: Số 26 ngõ 8, phố L , phường L , thị xã ST, Thành phố HN.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ M và Cụ C gồm: Ông Nguyễn Mạnh T , bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 , chết năm 2017 người thừa kế là bà Nguyễn Thị H(là vợ) và chị Nguyễn Thúy N (là con).

3. Chia thừa kế theo pháp luật diện tích 109,9 m² đất của cụ M và cụ C :

Bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thúy N được sử dụng thửa đất số 49-1, diện tích 43.6m², tờ bản đồ số 02, giới hạn bởi các điểm: 1,2,2^a,8^a,1.

Ông Nguyễn Mạnh T được sử dụng thửa đất số 49-2, diện tích 66.3m², tờ bản đồ 02, giới hạn bởi các điểm: 2^a,3,4,5,6,7,8,8^a,2^a.

Ông T có trách nhiệm phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho bà Toan và bà Toàn, mỗi bà là 187.867.000 đồng.

Tài sản và cây cối trên phần đất của ai thì người đó được hưởng.

(Việc chia đất có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/5/2021, nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã ST đã xử đề nghị Tòa án nhân dân thành phố HN xét xử lại toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân thị xã ST đã xử để đưa ra xét xử lại chia đều cho cho bốn anh em chúng tôi.

Ngày 10/5/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 làm đơn kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã ST đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nghiên cứu kỹ hồ sơ để đưa vụ án ra xét xử và đề nghị chia đều cho 04 anh em về đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia di sản thừa kế của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Văn M và cụ Đào Thị C là Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02, diện tích 109,9m², tại địa chỉ: Số 26/8, phố L , phường L , thị xã ST, Thành phố HN làm bốn phần bằng nhau. Ông T cùng trình bày tại phiên tòa sơ thẩm ông đã đồng ý về việc không chia thừa kế là tài sản trên đất nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T tại phiên tòa vẫn đồng ý ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh T và thống nhất với lời trình bày của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình và thống nhất với lời trình bày của ông T.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày bà không có yêu cầu phản tố, về số tiền sửa nhà 93.000.000 đồng bà H không yêu cầu Tòa giải quyết; bà H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thúy N trình bày thống nhất với lời trình bày của bà H và giữ nguyên các lời khai tại cấp sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Như Q thống nhất với lời trình bày của bà H, không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên sửa bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã ST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trong vụ án không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập khi Tòa án giải quyết vụ án. Tất cả các đương sự trong vụ án không có khiếu nại thắc mắc gì về việc định giá tài sản và số đo đối với diện tích đất đang có tranh chấp.

Bà Nguyễn Thị H là vợ ông Nguyễn Văn T2 đã chết hiện đang là người quản lý di sản thừa kế; bà H ở cùng chị Nguyễn Thúy N là con chung hai ông bà và chị Nguyễn Như Q là con riêng của bà H nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H là bị đơn và chị N, chị Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[2]. Về hình thức: Nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 làm đơn kháng cáo trong hạn luật định về hình thức là hợp lệ.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo của các đương sự

Về thời hiệu thừa kế: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm và theo hướng dẫn tại mục I về dân sự Giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì đến nay về thời hiệu khởi kiện về thừa kế đối với phần tài sản của cụ M và Cụ C vẫn còn thời

hiệu. Cụ Nguyễn Văn M , sinh năm 1917 (chết năm 1993) thời điểm mở thừa kế di sản của cụ M để lại là năm 1993, cụ Đào Thị C , sinh năm 1920 (chết năm 2005) thời điểm mở thừa kế di sản của Cụ C để lại là năm 2005. Ngày 16/10/2020, ông Nguyễn Mạnh T làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của đối với tài sản của cụ M , Cụ C để lại. Như vậy ông T nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Do cụ M và Cụ C chết không để lại di chúc nên việc xem xét chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điểm a Khoản 1 điều 650 Bộ luật Dân sự.

Về quan hệ huyết thống: Các đương sự thống nhất xác định cụ Nguyễn Văn M , sinh năm 1917, chết ngày 23/8/1993 và cụ Đào Thị C , sinh năm 1920, chết ngày 03/6/2005. Hai cụ có 07 người con chung là:

1. Ông Nguyễn Văn M1 , sinh năm 1945, chết năm 1947, không có vợ con.
 2. Ông Nguyễn Mạnh T , sinh năm 1947.
 3. Bà Nguyễn Thị C , sinh năm 1949, chết năm 1951, không có chồng con.
 4. Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1952.
 5. Bà Nguyễn Thị T1 , sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 45 phố Cầu Trì, phường Sơn Lộc thị xã ST, thành phố Hà Nội.
 6. Ông Nguyễn Văn T2 , sinh năm 1959, chết ngày 25/9/2017,
 7. Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1962, chết năm 1963, không có chồng con.
- Ngoài ra, cụ M và Cụ C không còn con chung, con nuôi, con riêng nào khác.

Cụ Nguyễn Văn M chết ngày 23/8/1993; xác định thời điểm mở di sản thừa kế của cụ M là ngày 23/8/1993.

Cụ Đào Thị C chết ngày 03/6/2005; xác định thời điểm mở di sản thừa kế của Cụ C là ngày 03/6.2005.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ M và Cụ C gồm có 04 người con là: ông Nguyễn Mạnh T , sinh năm: 1947; bà Nguyễn Thị T , sinh năm: 1952; bà Nguyễn Thị T1 , sinh năm: 1955; ông Nguyễn Văn T2 , sinh năm: 1959.

Ông Nguyễn Văn T2 chết ngày 25/9/2017, có vợ là bà Nguyễn Thị H có một con chung tên là Nguyễn Thúy N , sinh năm 1999 hiện đang ở cùng bà H tại 26/8 phố L , thị xã ST, Thành phố HN. Như vậy, ông T2 chết sau bố mẹ đẻ; trong vụ án này các đương sự yêu cầu chia di sản của cụ M và Cụ C nên Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị H , chị Nguyễn Thúy N là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 được hưởng kỹ phần di sản thừa kế của cụ M và Cụ C để lại.

Về di sản thừa kế:

Các con của hai cụ đều thừa nhận thừa đất số 49, tờ bản đồ số 02, diện tích 109m², tại địa chỉ: Số 26 ngõ 8, phường L , thị xã ST, Thành phố Hà Nội là của cụ M và cụ C , sau khi hai cụ chết do vợ chồng ông T2 bà H quản lý, sử dụng (diện tích đo thực tế bằng máy là 109.9m²). Trên đất có một nhà cấp 4 xuống cấp, vợ

chồng ông T2 bà H xây dựng sửa chữa lại thành 01 ngôi nhà cấp 4 mái lợp tôn, nhà bán mái, 1 nhà vệ sinh, 1 cổng sắt hai cánh, ngoài ra còn có 1 cây mít và hai cây na do các cụ trồng.

Về nguồn gốc diện tích đất và các tài sản trên đất: Theo biên bản xác minh ngày 09/3/2021, Ủy ban nhân dân phường L, thị xã ST, Thành phố HN cung cấp:

“...- Thừa đất số 49, tờ bản đồ số 02, diện tích 109.9m², tại địa chỉ: Số 26/8, phố L, phường L, thị xã ST, HN (đ/c theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2003 là số 14/8 L, phường L, TX.ST, HN) diện tích 109 m² là thừa đất mà hiện nay ông Nguyễn Mạnh T đang khởi kiện yêu cầu chia thừa kế.

- Về nguồn gốc thừa đất nêu trên: Là của ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị Chung được chính quyền địa phương cấp năm 1961, đến năm 1978 thì được xây dựng cải tạo và làm nhà ở.

- Quá trình từ khi cấp đến khi ông M và bà C chết lúc đấy ông bà C sống với 7 người con, gồm:

1. Nguyễn Văn M1 (đã chết)
2. Nguyễn Mạnh T
3. Nguyễn Thị C (đã chết)
4. Nguyễn Thị T
5. Nguyễn Thị T1
6. Nguyễn Văn T2 (chồng chị Hà) – chết 2017
7. Nguyễn Thị T (đã chết).

Từ khi được cấp đất đến năm 1998 thì anh T kết hôn với chị H thì chị H và anh T chung sống với ông M và bà C. Ông T ở chỗ khác, bà T và bà T1 đi lấy chồng. Anh T sống tại thừa đất cùng chị H đến năm 2017 anh T chết. Ông Nguyễn Văn M (1917-1993), bà Đào Thị C (1920 – 2005).

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T2 là người quản lý, sử dụng nhà đất từ sau khi bà C chết (2005).

- Quá trình sử dụng: chị H sau khi anh T chết chị H có cối nói, cải tạo, sửa chữa lại nhà cửa. Cụ thể làm những công trình gì địa phương không nắm được.

- Thuế nhà đất do vợ chồng bà Chung đóng trong thời gian đầu, gần đây ông T nộp.

- Đất hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Đất hiện này không có tranh chấp với các hộ liên kề.
- Qua xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc. Diện tích 109 m² là chính xác...”

Biên bản định giá ngày 15/01/2021 xác định: Thừa đất số 49, tờ bản đồ 02, diện tích 109m² tại số 26/8 L, ST có giá trị: 109m² x 8.500.800 đồng/m² = 934.237.000 đồng. Tài sản trên đất nguyên đơn yêu cầu chia gồm 01 nhà cấp 4 trị giá 35.081.200 đồng; 01 nhà bếp bán mái trị giá 6.075.265 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất mà đương sự yêu cầu chia là 975.393.465 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận di sản thừa kế của cụ M , Cụ C để lại gồm đất và tài sản trên đất như trong biên bản thẩm định, định giá ngày 15/01/2021 là thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02, diện tích 109,9m², tại địa chỉ: Số 26 ngõ 8, phường L , thị xã ST, thành phố HN; trên đất có 01 nhà cấp 4 và 01 nhà bếp bán mái.

Bà H khai vợ chồng bà bỏ ra 93.900.000 đồng để sửa sang nhà cửa nhưng vì tài sản đã hết khấu hao nên bà không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, căn cứ các lời khai của bà H , chị N và xác minh tại địa phương cho thấy hộ gia đình bà H là hộ cận nghèo, việc sửa sang nhà cửa là do nhà thờ công giáo giúp đỡ. Bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc vợ chồng bà bỏ tiền ra sửa chữa, xây dựng nhà cửa.

Tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện ông T yêu cầu chia tài sản của bố mẹ để lại là đất và tài sản trên đất (trừ cây cối) làm 04 phần bằng nhau, chia bằng hiện vật và khi Thẩm phán - Chủ tọa hỏi về việc tài sản trên đất hiện giá trị sử dụng đã hết nên chia tài sản trên đất phần của ai người đó được hưởng luôn tài sản trên đất ông T đã đồng ý, các đương sự khác cũng không có yêu cầu chia tài sản trên đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, ông T cũng đã thừa nhận rằng tại phiên tòa sơ thẩm đã đồng ý về việc không chia thừa kế là tài sản trên đất nữa. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét phân chia tài sản trên đất, nếu tài sản nằm trên đất của ai thì người đó được hưởng là có căn cứ; tuy nhiên cần phải xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.

Cụ M và Cụ C chết không để lại di chúc, phân chia di sản thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất là 109,9m² cho các con của cụ M và Cụ C theo pháp luật.

Mặc dù thời điểm mở thừa kế của hai cụ là khác nhau, nhưng hàng thừa kế thứ nhất của các cụ và tổng di sản thừa kế của cụ M và Cụ C không thay đổi nên tổng hợp di sản chung của hai cụ phân chia cùng một lần như Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia là có căn cứ.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ M và Cụ C gồm có: ông Nguyễn Mạnh T , bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 , do ông T2 chết ngày 25/9/ 2017 nên người thừa kế là bà Nguyễn Thị H(là vợ) và chị Nguyễn Thúy N (là con).

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện từ cụ M và Cụ C chết cho đến nay thì người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất là di sản các cụ để lại và đã chi tiền sửa chữa nhà là vợ chồng ông T2 bà H , trong khi đó ông T, bà Toàn và bà Toàn đều có nhà ở khang trang, ổn định nơi khác. Nên cần xem xét công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản, trả thù lao và chi phí bảo quản di sản cho vợ chồng ông T2 bà H và chị N , theo đúng tinh thần tại Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 04/4/2016; Hội đồng xét xử xem xét công sức quản lý, duy trì,

bảo quản di sản thừa kế của vợ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Hbằng một kỷ phần thừa kế.

Theo biên bản định giá ngày 15/01/2021 của Hội đồng định giá thị giá mỗi m^2 đất có giá trị là 8.500.800 đồng. Di sản của các cụ để lại có giá trị là: $109,9 m^2 \times 8.500.800 \text{ đồng}/m^2 = 943.237.920 \text{ đồng}$.

Mỗi một kỷ phần thừa kế được hưởng là: $943.257.920 \text{ đồng} : 5 = 186.847.584 \text{ đồng}$.

Ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Mận và Cụ C là 186.847.400 đồng.

Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thúy N là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T2 là người được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ M và Cụ C là $186.847.584 \text{ đồng} \times 2 = 373.695.168 \text{ đồng}$.

Chia hiện vật cụ thể như sau:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Do nhà ở hiện nay bà H, chị N và chị Q đang sử dụng ổn định nên cần giữ lại để cho bà H và các con thuận tiện trong sinh hoạt vì họ không còn chỗ ở nào khác, tuy nhiên phần tài sản trên đất của người khác thì bà H phải dỡ bỏ để đảm bảo tính ổn định của công trình xây dựng và việc thi hành án sau này.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị T không có lời trình bày nhưng đã ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh T; bà Nguyễn Thị T1 trình bày ý nhất trí hoàn toàn và đồng ý với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Mạnh T; ông T có ý kiến muốn chia di sản của cụ M, Cụ C bằng hiện vật nên Tòa án cấp sơ thẩm chia hiện vật chia cho ông T, bà Toàn và bà Toàn, tuy nhiên để tiện cho việc sử dụng và làm giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất sau này nên giao cho ông T được sử dụng toàn bộ diện tích đất được chia và ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Toàn và bà Toàn giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng theo pháp luật của cụ M, Cụ C mỗi bà là 186.847.584 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thúy N bằng hiện vật $373.695.168 \text{ đồng} : 8.500.800 \text{ đồng}/1m^2 = 43,96 m^2$ đất.

Chia cho ông Nguyễn Mạnh T bằng hiện vật $(186.847.584 \text{ đồng} \times 3) : 8.500.800 \text{ đồng}/1m^2 = 65,94 m^2$ đất.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên do khi phân chia bằng hiện vật cần giữ nguyên sự ổn định của các công trình xây dựng trên đất cùng như tạo điều kiện cho mẹ con bà Nguyễn Thị H có chỗ ở nên giao diện tích đất có diện tích $43,6 m^2$ tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2, địa chỉ số nhà 26, ngõ 8, phố L, phường L, thị xã ST, Thành phố Hà Nội được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 2a, 8a, 1 (có sơ đồ kèm theo) cho bà H, chị N quản lý sử dụng; tức là có giảm đi về mặt diện tích là: $43,96m^2 - 43,6m^2 = 0,36 m^2$.

Giao diện tích đất có diện tích $66,3 m^2$ tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2, địa chỉ số nhà 26, ngõ 8, phố L, phường L, thị xã ST, Thành phố Hà Nội được giới hạn bởi các điểm: 2a, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 8a, 2a (có sơ đồ kèm theo) cho ông Nguyễn

Mạnh T quản lý, sử dụng tức là có tăng lên về mặt diện tích là: $66,3\text{m}^2 - 65,94\text{m}^2 = 0,36\text{m}^2$.

Đối với phần chênh lệch về diện tích, ông Nguyễn Mạnh T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thúy N trị giá bằng tiền là: $0,36\text{m}^2 \times 8.500.800 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 3.060.288 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của các đương sự có căn cứ nên Hội đồng sửa một phần bản án sơ thẩm như nhận định ở trên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 nghị quyết 326/NQ ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 vì đều trên 60 tuổi.

Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thúy N mỗi người phải chịu 9.342.370 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 609, 610, 611, 612, 649, 650, 651, 658 và 688 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 nghị quyết 326/NQ ngày 30/12/2016 của UBTVQH.
- Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 04/4/2016

Xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã ST, Thành phố HN và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh T đối với bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn M và cụ Đỗ Thị C để lại theo pháp luật.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế các cụ Nguyễn Văn M và cụ Đỗ Thị Chung để lại là 01 nhà cấp 4; 01 nhà bếp bán mái tại địa chỉ: Số 26 ngõ 8, phố L, phường L, thị xã ST, Thành phố HN.

1.3. Xác định di sản của các cụ Nguyễn Văn M và cụ Đỗ Thị C để lại quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 02, diện tích $109,9\text{m}^2$, giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,1; tại địa chỉ: Số 26 ngõ 8, phố L, phường L, thị xã ST, Thành phố HN; có giá trị là 943.237.920 đồng.

1.4. Xác định cụ Nguyễn Văn M chết ngày 23/8/1993, thời điểm mở thừa kế của cụ M là ngày 23/8/1993.

Xác định cụ Đào Thị C chết ngày 03/6/2005, thời điểm mở thừa kế của Cụ C là ngày 03/6/2005.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của Nguyễn Văn M và cụ Đào Thị C gồm có: ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2.

Xác định công sức quản lý, duy trì, bảo quản di sản thừa kế của vợ ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị H bằng một kỷ phần thừa kế.

Mỗi một kỷ phần thừa kế được hưởng là: $943.257.920 \text{ đồng} : 5 = 186.847.584 \text{ đồng}$.

Ông Nguyễn Mạnh T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 186.847.584 đồng.

Ông Nguyễn Văn T2 đã chết ngày 25/9/201. Bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thúy N là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T2 được hưởng kỷ phần thừa kế là $186.847.584 \text{ đồng} \times 2 = 373.695.168 \text{ đồng}$.

1.5. Phân chia bằng hiện vật:

- Chia cho ông Nguyễn Mạnh T được quản lý sử dụng diện tích là: 66,3 m² tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2, địa chỉ số nhà 26, ngõ 8, phố L, phường L, thị xã ST, Thành phố Hà Nội được giới hạn bởi các điểm: 2a, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 8a, 2a.

- Chia cho bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thúy N được quản lý sử dụng diện tích 43,6 m² tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2, địa chỉ số nhà 26, ngõ 8, phố L, phường L, thị xã ST, Thành phố HN được giới hạn bởi các điểm: 1, 2, 2a, 8a, 1.

Tài sản và cây cối trên phần đất của ai thì người đó được hưởng.

(Việc chia đất có sơ đồ kèm theo).

1.6. Buộc ông Nguyễn Mạnh T là người sử dụng đất có tăng hơn so với phần diện tích đất được chia phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thúy N số tiền 3.060.288 đồng.

1.7. Buộc ông Nguyễn Mạnh T phải có trách nhiệm thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng theo luật của cụ M, Cụ C cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người là: 186.847.584 đồng.

Kể từ ngày thanh toán xong các khoản tiền; ông T, bà H, chị N là những người được quản lý sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để làm thủ tục tách thửa và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Mạnh T , bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị T1 .

Bà Nguyễn Thị H , chị Nguyễn Thúy N mỗi người phải chịu 9.342.379 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Mạnh T , bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND thị xã ST;
- Chi cục THADS thị xã ST;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đ.N.L